

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch Kinh phí thăm và tặng quà các  
tập thể, cá nhân trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 738-TB/VPTU ngày 20/12/2022 về Kế hoạch kinh phí và Kế hoạch thành lập các đoàn đi thăm, tặng quà Tết Nguyên đán năm 2023;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 276/TTr-SLĐTBXH ngày 22/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Kinh phí thăm và tặng quà các tập thể, cá nhân trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, QTTV;
- Lưu: VT, KGVX (N - 35b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**H'Yim Kđoh**

**KẾ HOẠCH****Kinh phí thăm và tặng quà Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. MỨC HỖ TRỢ VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ****1. Mức tiền 500.000 đồng/người áp dụng cho đối tượng sau:**

- a) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang.
- b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng, Đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.
- c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh.
- d) Người đang hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội (Hưu trí công nhân viên chức; Hưu trí lực lượng vũ trang; Mất sức lao động; Tai nạn lao động; Trợ cấp công nhân cao su; Trợ cấp cán bộ xã, phường; Trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).
- đ) Các đối tượng chính sách xã hội khác gồm: Bệnh nhân Khu điều trị phong Ea Na; bệnh nhân Bệnh viện Tâm thần; bệnh nhân nghèo đang điều trị tại các Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa khu vực 333, Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột; Trung tâm y tế các huyện, thị xã.
- e) Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại điểm a, c và d Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).
- g) Người mù (là hội viên Hội người mù tỉnh quản lý).
- h) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).
- i) Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng.
- k) Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi hiện được chăm sóc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Chùa Bửu Thắng.
- l) Các đối tượng thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh quản lý.
- m) Các đối tượng người có công, thân nhân người có công và đối tượng khác do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, gồm:

- Thương binh (bao gồm cả thương binh B), người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%.

- Thân nhân liệt sĩ (đang hưởng trợ cấp hàng tháng).

- Người thờ cúng liệt sĩ.

- Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Người tham gia hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

- Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- Người hưởng chế độ tuất từ trần đối với người có công.

- Người phục vụ: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên; người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Thanh niên xung phong (đang hưởng trợ cấp hàng tháng).

- Người hưởng trợ cấp theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đang hưởng trợ cấp hàng tháng).

- Đại diện gia đình (Vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945, Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (đã chết).

n) Đại diện gia đình (Bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của quân nhân đang công tác tại Đảo Trường Sa; gia đình quân nhân đang công tác tại Đội K (Campuchia).

## **2. Mức tiền 1.300.000 đồng/người, áp dụng cho các đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng:**

a) Mẹ Việt Nam anh hùng.

b) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945.

c) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

đ) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh B), bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên.

## **3. Quà tặng cho các cá nhân, cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh chi), gồm:**

**a) Mức quà 1.000.000 đồng/suất (tiền mặt)**

Gồm 1.320 suất quà tặng các già làng, trưởng thôn, buôn tiêu biểu; các đối tượng tiêu biểu khác, cụ thể:

- Văn phòng Tỉnh ủy: 500 suất.
- Văn phòng UBND tỉnh: 250 suất.
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: 460 suất.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 10 suất (để Lãnh đạo tỉnh đi thăm tặng quà các đối tượng người có công tiêu biểu).

- Quà dự phòng: 100 suất (trong đó, có 10 suất quà bằng hiện vật để đoàn Lãnh đạo tỉnh đi thăm đối tượng người có công tiêu biểu).

**b) Mức quà 3.000.000 đồng/suất** (gồm 2.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng): 48 đơn vị

- Cơ quan Quân sự (21 đơn vị): Mục I Biểu số 1.
- Công an (08 đơn vị): Mục I Biểu số 2.
- Bộ đội Biên phòng (19 đơn vị): Mục I Biểu số 3.

**c) Mức 4.000.000 đồng/suất** (gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng): 104 đơn vị

- Cơ quan Quân sự (08 đơn vị): Mục II Biểu số 1.
- Công an (25 đơn vị): Mục II Biểu số 2.
- Bộ đội Biên phòng (10 đơn vị): Mục II Biểu số 3.
- Cơ quan dân chính (30 đơn vị): Mục I Biểu số 4.
- Các Công ty Nông Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng và Trạm Kiểm lâm (31 đơn vị): Biểu số 6.

**d) Mức 5.000.000 đồng/suất** (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng): 09 đơn vị

- Cơ quan Quân sự (07 đơn vị): Mục III Biểu số 1.
- Bộ đội Biên phòng (01 đơn vị): Mục III Biểu số 3.
- Cơ quan dân chính (01 đơn vị): Mục II Biểu số 4.

**đ) Mức 6.000.000 đồng/suất** (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng):

03 đơn vị tỉnh ngoài, chi tiết tại Mục III Biểu số 4.

#### **4. Quà tặng các cơ quan, đơn vị Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm, gồm:**

**a) Mức quà 5.000.000 đồng/suất** (gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 2.000.000 đồng): 13 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (04 đơn vị): Mục A Khoản I Biểu số 7.

- Công an (01 đơn vị): Mục A Khoản I Biểu số 7.
- Cơ quan dân chính (08 đơn vị): Mục A Khoản I Biểu số 7.

**b) Mức 6.000.000 đồng/suất** (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 2.000.000 đồng): 19 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (06 đơn vị): Mục A Khoản II Biểu số 7.
- Công an (02 đơn vị): Mục A Khoản II Biểu số 7.
- Bộ đội Biên phòng (07 đơn vị): Mục A Khoản II Biểu số 7.
- Cơ quan dân chính (04 đơn vị): Mục A Khoản II Biểu số 7.

**c) Mức 7.000.000 đồng/suất** (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 2.000.000 đồng): 07 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (02 đơn vị): Mục A Khoản III Biểu số 7.
- Bộ đội Biên phòng (01 đơn vị): Mục A Khoản III Biểu số 7.
- Cơ quan dân chính (01 đơn vị): Mục A Khoản II Biểu số 1.
- Công an (03 đơn vị): Mục A Khoản III Biểu số 7.

**d) Mức 8.000.000 đồng/suất** (gồm 6.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 2.000.000 đồng): 02 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (01 đơn vị): Mục A Khoản IV Biểu số 7.
- Bộ đội Biên phòng (01 đơn vị): Mục A Khoản IV Biểu số 7.

**5. Quà tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (cấp huyện chi), gồm:**

**a) Mức quà 3.000.000 đồng/suất** (gồm 2.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng): 150 đơn vị

- Cơ quan Quân sự (68 đơn vị): Mục I.1 Biểu số 5.
- Công an (82 đơn vị): Mục I.2 Biểu số 5.

**b) Mức quà 5.000.000 đồng/suất** (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng): 19 đơn vị

- Cơ quan dân chính (19 đơn vị): Mục II Biểu số 5.

**c) Mức quà 6.000.000 đồng/suất** (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 1.000.000 đồng):

- Cơ quan dân chính (08 đơn vị): Mục III Biểu số 5.

**d) Mức quà 7.000.000 đồng/suất, đơn vị được Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm** (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà trị giá 2.000.000 đồng):

- Cơ quan dân chính (03 đơn vị): Mục B Biểu số 7.

**6. Tổng kinh phí: 76.367.700.000 đồng** (Bảy mươi sáu tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng).

## **II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất, kể cả đối tượng đang hưởng Bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với người đang đảm nhận thờ cúng liệt sĩ (hưởng theo số lượng liệt sĩ đang thờ cúng); thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng đồng thời là người có công thuộc đối tượng được nhận quà thì hưởng 02 suất quà theo mức quy định.

b) Người được hưởng chế độ ưu đãi người có công, đồng thời hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội thì do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết chế độ theo quy định (Cơ quan Bảo hiểm xã hội không giải quyết).

### **2. Căn cứ để xác định đối tượng tặng quà**

a) Danh sách theo bảng thanh toán lương, trợ cấp hàng tháng... đến ngày 31/12/2022, do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý ký xác nhận và chịu trách nhiệm.

b) Đối tượng là bệnh nhân nằm điều trị tại các Bệnh viện trong 3 ngày Tết do Ban Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn ký xác nhận và chịu trách nhiệm.

### **3. Nguồn kinh phí thực hiện**

a) Đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang (nêu tại điểm a Khoản 1 Mục I): Sở Tài chính cấp trực tiếp cho các đơn vị.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng, Đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (nêu tại điểm b Khoản 1 Mục I): Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí tự chủ để thực hiện.

c) Đối với đối tượng thuộc các đơn vị theo hệ thống ngành dọc ở địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (như: Chi cục Thuế huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Viện kiểm sát Nhân dân huyện, Bảo hiểm Xã hội huyện...): Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố giải quyết chi từ nguồn ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.

Những đối tượng còn lại của đơn vị theo hệ thống ngành dọc (như: Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh...): Sở Tài chính trực tiếp cấp phát.

d) Đối với người đang hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội (Hưu trí công nhân viên chức; hưu trí lực lượng vũ trang; mất sức lao động; tai nạn lao động; trợ cấp công nhân cao su; trợ cấp cán bộ xã, phường; trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ) nêu tại điểm d Khoản 1 Mục I: Sở Tài chính cấp trực tiếp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân (nêu tại Khoản 3, 4 Mục I); các đối tượng (thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk; trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi hiện được chăm sóc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội chùa Bửu Thắng (nêu tại điểm k, 1 Khoản 1 Mục I); đại diện gia đình quân nhân đang công tác tại Đảo Trường Sa, Gia đình quân nhân đang công tác tại Đội K (Campuchia) nêu tại điểm n Khoản 1 Mục I: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng trong dự toán giao đầu năm 2023 để thực hiện.

e) Đối với các đối tượng chính sách xã hội khác gồm: Bệnh nhân Khu điều trị phong Ea Na; bệnh nhân Bệnh viện Tâm thần; các bệnh nhân nghèo đang điều trị tại các Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa khu vực 333, Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột, Trung tâm y tế các huyện, thị xã (nêu tại điểm đ Khoản 1 Mục I): Các đơn vị lập danh sách gửi Sở Tài chính cấp kinh phí theo quy định.

g) Đối với kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại điểm a, c và d Khoản 5, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); người mù (là Hội viên Hội người mù tỉnh quản lý); trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng (nêu tại điểm e, g, h, i Khoản 1 Mục I); kinh phí thăm, tặng quà 11 xã, 19 buôn căn cứ Cách mạng, 14 Trại tạm giam của Công an các huyện và thị xã Buôn Hồ, 68 Xã đội và 68 Công an xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự (nêu tại điểm a, b, c, d Khoản 5 Mục I) của Kế hoạch này: Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối trong nguồn đảm bảo xã hội của các huyện, thị xã, thành phố.

h) Đối với đối tượng Người có công (nêu tại điểm m Khoản 1 và Khoản 2 của Mục I): UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện.

*(Chi tiết tại Bảng tổng hợp kinh phí kèm theo)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chuẩn bị quà cho các Đoàn của Lãnh đạo tỉnh đi thăm, quà của các đối tượng tiêu biểu và quà của các cơ quan, đơn vị được thăm tặng quà theo Kế hoạch này.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thăm, tặng quà cho các đối tượng người có công, đối tượng tiêu biểu; các đơn vị lực lượng vũ trang, đơn vị được thăm, tặng quà theo Kế hoạch này.

Các suất quà thăm, tặng các đơn vị và các cá nhân tiêu biểu quy định tại Khoản 3, 4 Mục I của Kế hoạch này, tùy theo tình hình thực tế và sự chỉ đạo của UBND tỉnh, nếu có phát sinh, giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

chịu trách nhiệm chuẩn bị quà và thông báo cho các đồng chí Trưởng, Phó đoàn và các thành viên trong đoàn biết để thực hiện trao, tặng quà được kịp thời.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.